PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHỞI NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

TĂNG ANH CƯỜNG
Trường Đại học Lao động - Xã hội

Nhận bài ngày 12/4/2025. Sửa chữa xong 20/4/2025. Duyệt đăng 27/4/2025.

Abstract

Entrepreneurial competence is the combination of knowledge, skills, attitudes, and personal motivation. It is influenced by both objective and subjective factors. A survey conducted at the University of Labour and Social Affairs reveals that business administration students still face limitations in entrepreneurial knowledge, skills, and practical experience. To enhance students' entrepreneurial competence, the university should integrate entrepreneurship into course modules, organize experiential activities, strengthen business partnerships, and innovate assessment methods. The paper also emphasizes the vital role of digital transformation in promoting entrepreneurship education.

Keywords: *Development, entrepreneurial competence, students, business administration, digital transformation.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành một xu hướng tất yếu, đồng thời là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Tại Việt Nam, khởi nghiệp đang nhận được sự quan tâm sâu rộng từ Chính phủ, các tổ chức giáo dục và cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số (CĐS) đang tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong tư duy, mô hình và phương thức kinh doanh. Sinh viên (SV) ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) là lực lượng kế thừa và dẫn dắt hoạt động kinh tế trong tương lai, bởi vậy các em cần được trang bị không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn năng lực khởi nghiệp (NLKN), thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh số hóa. Tuy nhiên, trên thực tế NLKN của SV còn hạn chế về tư duy đổi mới, kĩ năng lập kế hoạch kinh doanh, ứng dụng công nghệ cũng như khả năng khai thác các nguồn lực hỗ trợ từ hệ sinh thái khởi nghiệp.

Trường Đại học Lao động - Xã hội (LĐ-XH) với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho các lĩnh vực lao động, quản trị và KT-XH, đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng và phát triển tinh thần khởi nghiệp trong SV. Đặc biệt SV ngành QTKD cần được hỗ trợ một cách có hệ thống nhằm phát triển NLKN toàn diện, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong kỷ nguyên số. Bài viết đề cập đến thực trạng NLKN của SV ngành QTKD, Trường Đại học LĐ-XH, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển NLKN cho SV trong bối cảnh CĐS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về năng lực khởi nghiệp của sinh viên

2.1.1. Khái niệm năng lực khởi nghiệp

a. Khái niệm khởi nghiệp: Khởi nghiệp là việc mở một doanh nghiệp mới hay là tự làm chủ, tự kinh doanh [1], nói cách khác khởi nghiệp là lựa chọn nghề nghiệp của những người không sợ rủi ro tự

Email: mrtanganhcuong@gmail.com

làm chủ công việc kinh doanh của chính mình và thuê người khác làm công cho họ [2]. Như vậy, khởi nghiệp là việc một cá nhân tận dụng cơ hội thị trường để tạo dựng một công việc kinh doanh mới.

b. Năng lực khởi nghiệp: Là tổng hòa các yếu tố như kiến thức, kĩ năng, thái độ và động lực cần thiết để cá nhân có thể khởi sự và điều hành doanh nghiệp thành công. Theo Trần Lợi (2023), NLKN bao gồm các yếu tố như đam mê, động cơ khởi nghiệp, sự tự tin, khả năng kiểm soát hành vi và nhận thức về tính khả thi của việc khởi nghiệp [3]. Như vậy, NLKN là một năng lực tổng hợp, không chỉ đòi hỏi kiến thức và kĩ năng chuyên môn mà còn bao gồm các yếu tố tâm lý và hành vi như đam mê, sự tự tin, động cơ cá nhân, khả năng kiểm soát hành vi và nhận thức rõ ràng về tính khả thi trong hoạt động khởi nghiệp. Việc phát triển năng lực (PTNL) này là điều kiện tiên quyết để cá nhân có thể khởi sự và điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả và bền vững trong môi trường cạnh tranh hiện nay.

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực khởi nghiệp của sinh viên

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng NLKN của SV chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

Chương trình đào tạo không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng về quản trị, marketing, tài chính mà còn là nơi định hình tư duy khởi nghiệp, thái độ đổi mới và khả năng chấp nhận rủi ro của SV [4]. Một chương trình được thiết kế theo hướng tích hợp các học phần về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tư duy thiết kế, mô hình kinh doanh sẽ giúp SV tiếp cận sớm với các công cụ và tư duy của một nhà khởi nghiệp hiện đại. Ngoài ra, môi trường học tập, bao gồm phương pháp giảng dạy, thái độ của giảng viên (GV), sự năng động của các câu lạc bộ SV, sự kết nối với doanh nghiệp cũng tạo điều kiện thuận lợi để SV phát triển NLKN. Môi trường học tập tích cực, khuyến khích thảo luận mở, học qua dự án, học qua trải nghiệm sẽ nâng cao năng lực tự chủ, sáng tạo và giải quyết vấn đề - những năng lực cốt lõi trong khởi nghiệp. Như vậy, một chương trình đào tạo tiên tiến gắn với thực tiễn và một môi trường học tập cởi mở là hai yếu tố nền tảng giúp hình thành và phát triển NLKN bền vững cho SV.

Truyền thống kinh doanh của gia đình có ảnh hưởng lớn đến NLKN, vì SV thường tiếp cận với tư duy kinh doanh, quản lý tài chính và giải quyết vấn đề từ rất sớm thông qua sự quan sát và học hỏi từ người thân [5]. Những người có cha mẹ hoặc người thân từng kinh doanh thường có xu hướng tự tin, chủ động và dám chấp nhận rủi ro hơn trong việc khởi nghiệp. Môi trường xã hội bao gồm bạn bè, cộng đồng khởi nghiệp, truyền thông, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp của nhà nước... cũng đóng vai trò kích thích động lực và hình thành niềm tin vào khả năng khởi nghiệp thành công. Nếu xã hội tôn vinh tinh thần khởi nghiệp, xem thất bại là cơ hội học tập thì SV sẽ có xu hướng tích cực và chủ động hơn với các ý tưởng kinh doanh của mình. Như vậy, truyền thống kinh doanh và môi trường xã hội tạo ra một hệ sinh thái tâm lý - xã hội thuận lợi giúp SV nuôi dưỡng NLKN từ bên trong lẫn bên ngoài.

Kinh nghiệm thực tiễn như thực tập - dự án - cuộc thi khởi nghiệp đóng vai trò như "chất xúc tác" giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết vào hoàn cảnh thực tế. Thực tập tại doanh nghiệp, tham gia dự án khởi nghiệp hay cuộc thi ý tưởng kinh doanh là những hình thức học tập trải nghiệm rất hiệu quả. Các hoạt động này giúp SV rèn luyện tư duy giải quyết vấn đề thực tế, phát triển kĩ năng teamwork, giao tiếp, thương thuyết, nâng cao hiểu biết về thị trường, khách hàng và mô hình kinh doanh, làm quen với thất bại và điều chỉnh tư duy một cách linh hoạt. Đặc biệt, những SV từng tham gia các vườn ươm khởi nghiệp hoặc chương trình ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp thường có năng lực thực thi cao hơn so với những người chỉ được học lý thuyết. Như vậy, học qua trải nghiệm thực tiễn là phương thức hiệu quả nhất để chuyển hóa NLKN từ tiềm năng thành hành động thực tế.

Từ các nội dung trên có thể thấy, NLKN của SV là kết quả của quá trình tích hợp nhiều yếu tố: chương trình đào tạo, môi trường học tập, truyền thống gia đình, tác động xã hội và kinh nghiệm thực tiễn. Để PTNL này một cách toàn diện, các trường đại học cần chủ động thiết kế chương trình mang tính tích hợp, tạo môi trường học tập khơi gợi sáng tạo, kết nối SV với thực tiễn thông qua hoạt động khởi nghiệp, đồng thời khai thác vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc khuyến khích tinh thần khởi nghiệp.

2.1.3. Tác động của chuyển đổi số trong giáo dục đại học đến năng lực khởi nghiệp của sinh viên

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là xu hướng tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công

nghiệp 4.0 đang làm thay đổi căn bản cách thức tiếp cận tri thức, tổ chức giảng dạy và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ số vào dạy học mà còn bao gồm việc tái cấu trúc chương trình đào tạo, thay đổi phương pháp sư phạm, số hóa tài nguyên giảng dạy và quản lý học tập trên các nền tảng tích hợp. Theo Ngô Thị Thu Dung (2021), môi trường giáo dục số có khả năng thúc đẩy dạy học linh hoạt, đáp ứng tốt nhu cầu cá nhân hóa và PTNL toàn diện của người học [6].

Trong lĩnh vực đào tạo ngành QTKD, CĐS tạo ra những điều kiện thuận lợi để SV tiếp cận các mô hình khởi nghiệp hiện đại thông qua các nền tảng học tập mở, các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các phần mềm mô phỏng QTKD và công cụ phân tích thị trường trực tuyến. Việc tham gia vào các khóa học khởi nghiệp số hoặc các chương trình huấn luyện (incubator, accelerator) trực tuyến giúp SV rèn luyện tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, phân tích dữ liệu và phát triển mô hình kinh doanh số - những năng lực cốt lõi của một doanh nhân trong thời đại kĩ thuật số. Tuy nhiên, quá trình CĐS cũng mang lại nhiều thách thức đáng kể. SV có thể gặp khó khăn trong việc thích nghi với phương pháp học mới, thiếu kĩ năng tự quản lý thời gian, giảm động lực học tập do thiếu tương tác trực tiếp hoặc gặp hạn chế trong việc phát triển kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm và trình bày ý tưởng - những kĩ năng mềm đóng vai trò quan trọng trong hành trình khởi nghiệp. Ngoài ra, không phải SV nào cũng có điều kiện tiếp cận công nghệ đồng đều, đặc biệt là trong bối cảnh chênh lệch về cơ sở hạ tầng công nghệ giữa các vùng miền và nhóm thu nhập. Do đó, để tận dụng tối đa cơ hội mà CĐS mang lại trong việc phát triển NLKN cho SV, các trường đại học cần có chiến lược đào tạo thích ứng: tích hợp nội dung khởi nghiệp và CĐS trong chương trình giảng dạy chính khóa; tăng cường đào tạo kĩ năng số, kĩ năng mềm và kĩ năng đổi mới sáng tạo; phát triển các học phần mô phỏng khởi nghiệp (entrepreneurial simulation); đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp nhằm mang lại trải nghiệm thực tiễn phong phú cho SV. Như vậy, CĐS không chỉ là nền tảng công nghệ hỗ trợ giáo dục mà còn là động lực chiến lược thúc đẩy sự phát triển NLKN của SV trong bối cảnh kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Nếu được định hướng đúng, CĐS sẽ góp phần hình thành thế hệ doanh nhân trẻ có tư duy toàn cầu, kĩ năng linh hoạt và khả năng thích ứng cao trước những biến động của thị trường.

2.2. Thực trạng năng lực khởi nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lao động - Xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số

Để đánh giá thực trạng NLKN của SV, tác giả đã tiến hành khảo sát 150 SV năm thứ 3 và năm thứ 4 thuộc ngành QTKD, Trường Đại học LĐ-XH trong năm học 2024-2025. Kết quả khảo sát cho thấy một số điểm nổi bật như sau:

- Kiến thức nền tảng về khởi nghiệp còn hạn chế. Có đến 62,7% SV cho rằng mình chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về quy trình khởi nghiệp, trong khi chỉ có 11,3% SV tự đánh giá mình có hiểu biết tốt về mô hình kinh doanh, quản trị rủi ro hay huy động vốn. Điều này phản ánh sự thiếu gắn kết giữa chương trình đào tạo hiện tại với thực tiễn khởi nghiệp hiện đại.

- Khả năng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động khởi nghiệp còn yếu. Dù phần lớn SV (85,4%) sử dụng điện thoại thông minh và máy tính kết nối Internet thường xuyên nhưng chỉ 23,1% biết cách sử dụng các nền tảng số hỗ trợ khởi nghiệp như Canva, Trello, Google Trends hay các công cụ phân tích thị trường trực tuyến. Điều này cho thấy khoảng cách giữa khả năng tiếp cận công nghệ và năng lực khai thác công nghệ vào mục tiêu khởi nghiệp.

- Kĩ năng mềm chưa được chú trọng đúng mức. Chỉ có 29,4% SV tự tin vào khả năng thuyết trình, phản biện và thuyết phục nhà đầu tư, trong khi gần 41% SV thừa nhận họ thiếu khả năng làm việc nhóm hiệu quả và tư duy giải quyết vấn đề. Đây là hạn chế lớn trong bối cảnh khởi nghiệp đòi hỏi sự phối hợp linh hoạt và sáng tạo liên ngành.

- Tinh thần khởi nghiệp còn mang tính hình thức, thiếu thực tiễn. Dù có tới 74,6% SV bày tỏ hứng thú với ý tưởng khởi nghiệp nhưng chỉ 8,7% từng tham gia cuộc thi khởi nghiệp hoặc dự án kinh doanh mô phỏng. Nhiều SV cho biết họ khó tiếp cận thông tin về các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp trong và ngoài trường cũng như thiếu cố vấn, GV hướng dẫn trực tiếp trong quá trình hiện thực hóa ý tưởng.

Từ kết quả trên, có thể nhận định rằng, NLKN của SV ngành QTKD tại Trường Đại học LĐ-XH hiện nay còn ở mức trung bình thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời đại số. Những hạn chế về kiến thức, kĩ năng ứng dụng công nghệ, kĩ năng mềm và cơ hội thực hành khởi nghiệp chính là các rào cản đáng kể cần được khắc phục thông qua việc đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường kết nối thực tiễn và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường.

2.3. Kinh nghiệm của Trường Đại học Lao động - Xã hội trong phát triển năng lực khởi nghiệp cho sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh

Là một cơ sở giáo dục đại học công lập có thế mạnh trong đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực KT-XH, đặc biệt là ngành QTKD. Với định hướng phát triển đào tạo ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, nhà trường đã và đang triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm từng bước hình thành và phát triển NLKN cho SV, đáp ứng yêu cầu hội nhập và CĐS.

2.3.1. Một trong những kinh nghiệm nổi bật của nhà trường là tăng cường lồng ghép nội dung khởi nghiệp vào chương trình đào tạo chính khóa, giúp SV tiếp cận sớm với tư duy kinh doanh hiện đại và nâng cao năng lực thực hành. Một số học phần như "Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp", "Quản trị marketing", "Marketing căn bản", "Quản trị dự án"... đã được Khoa QTKD chủ động điều chỉnh theo hướng cập nhật kiến thức mới về khởi nghiệp sáng tạo, mô hình kinh doanh số, thương mại điện tử và quản trị rủi ro trong hoạt động khởi nghiệp. Bên cạnh đó, nhà trường đã triển khai nhiều hình thức dạy học tích cực như học qua dự án, học theo tình huống, tạo điều kiện cho SV xây dựng kế hoạch kinh doanh thực tế và trình bày ý tưởng trước hội đồng GV, doanh nghiệp hoặc cựu SV có kinh nghiệm thực tiễn.

2.3.2. Ngoài chương trình chính khóa, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích như hội thảo, tọa đàm chuyên đề, các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo và các buổi chia sẻ kinh nghiệm từ doanh nhân dành cho SV. Khoa QTKD đã chủ trì và phối hợp tổ chức nhiều hội thảo học thuật SV xoay quanh các chủ đề thiết thực như khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh số và ứng dụng công nghệ trong quản trị. Đây là cơ hội quan trọng giúp SV thể hiện ý tưởng, rèn luyện kĩ năng trình bày, tư duy phản biện, làm việc nhóm và xây dựng mô hình khởi nghiệp. Một số ý tưởng từ SV đã được phát triển thành sản phẩm mô hình tiềm năng và được đề xuất kết nối với doanh nghiệp để tiếp tục thử nghiệm, hoàn thiện và đánh giá thị trường thực tế.

2.3.3. Kinh nghiệm đáng ghi nhận tiếp theo là việc xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, bền vững giữa nhà trường - doanh nghiệp - cựu SV, góp phần hình thành hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp cho SV. Nhiều cựu SV của ngành QTKD hiện là các nhà sáng lập, giám đốc điều hành, quản lý cấp trung tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước đã quay lại trường để hỗ trợ SV thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, cố vấn học thuật hoặc đồng hành trong các dự án khởi nghiệp SV. Ngoài ra, sự hợp tác giữa nhà trường với các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực như nhân sự, tài chính, thương mại điện tử, logistics… cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để SV được thực tập, làm việc thực tế theo mô hình học kỳ doanh nghiệp, từ đó nâng cao trải nghiệm nghề nghiệp, kĩ năng thực hành và đặc biệt là tinh thần đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp.

2.3.4. Không chỉ dừng lại ở hoạt động đào tạo chuyên môn, Trường Đại học LĐ-XH còn đặc biệt chú trọng đến việc phát triển đội ngũ GV có năng lực giảng dạy và hỗ trợ khởi nghiệp cho SV. Nhận thức rõ vai trò của GV không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là người truyền cảm hứng và dẫn dắt SV trong hành trình khởi nghiệp, nhà trường đã chủ động tạo điều kiện để GV tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng năng lực về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp hoặc trường đại học đối tác trong và ngoài nước tổ chức. Thông qua đó, GV không chỉ được cập nhật kiến thức mới về hệ sinh thái khởi nghiệp, các mô hình kinh doanh hiện đại mà còn nâng cao kĩ năng tổ chức hoạt động học tập mang tính trải nghiệm cho SV. Một số GV sau quá trình tập huấn đã trở thành cố vấn học thuật tích cực, trực tiếp tham gia hướng dẫn SV trong các cuộc thi khởi nghiệp, hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện ý tưởng, mô hình hóa kế hoạch kinh doanh, tư vấn tài chính và kết nối với các nguồn lực hỗ trợ như chuyên gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng.

2.3.5. Một trong những kinh nghiệm nổi bật trong hoạt động giảng dạy của Khoa QTKD là việc tích hợp đánh giá NLKN vào quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lý thuyết và kiểm tra bằng bài thi viết, GV đã chủ động đổi mới phương pháp đánh giá, chuyển đổi các bài kiểm tra học phần thành những đề án học tập mang tính mô phỏng khởi nghiệp thực tế. Cụ thể, trong các học phần như: Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, Quản trị dự án, Marketing căn bản, SV được yêu cầu xây dựng kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh, bao gồm: phân tích thị trường mục tiêu, đề xuất sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh (theo mô hình canvas), chiến lược tiếp thị, kế hoạch tài chính cơ bản và đánh giá rủi ro. Quá trình thực hiện đề án này được tổ chức theo nhóm, mỗi nhóm SV đóng vai trò như một nhóm khởi nghiệp thực thụ. Sau khi hoàn thành, các nhóm trình bày ý tưởng trước lớp và hội đồng GV - mô phỏng theo hình thức gọi vốn.

2.3.6. Không chỉ dừng lại ở việc lập kế hoạch kinh doanh trên giấy, một số nhóm SV còn được GV khuyến khích tiến xa hơn trong quá trình thực hành bằng cách thiết kế sản phẩm mẫu nhằm minh họa rõ nét cho ý tưởng kinh doanh đã xây dựng. Đồng thời, các nhóm cũng chủ động xây dựng trang web giới thiệu sản phẩm thông qua nền tảng Google Sites hoặc các công cụ tạo website miễn phí khác, giúp hiện thực hóa khả năng tiếp cận khách hàng trong môi trường số. Ngoài ra, SV còn thực hiện khảo sát nhu cầu khách hàng tiềm năng bằng các biểu mẫu khảo sát trực tuyến như Google Forms, đồng thời sử dụng mạng xã hội như Facebook, Instagram để thu thập phản hồi thực tế. Nhờ các hoạt động này, SV không chỉ phát triển tư duy chiến lược, khả năng nghiên cứu thị trường mà còn được rèn luyện đồng thời nhiều kĩ năng quan trọng như kĩ năng thuyết trình trước đám đông, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả, và kĩ năng phản biện, xử lý tình huống kinh doanh, tất cả đều là những yếu tố thiết yếu, đóng vai trò quan trọng trong quá trình khởi nghiệp thực tiễn hiện nay.

2.3.7. Đưa hoạt động khởi nghiệp vào quá trình đánh giá học phần đã tạo ra những chuyển biến tích cực rõ rệt trong thái độ và hành vi học tập của SV không chỉ góp phần khơi dậy động lực học tập nội tại, hình thức đánh giá này còn làm tăng đáng kể mức độ hứng thú, sự chủ động tìm tòi và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. SV không còn học chỉ để thi mà học để vận dụng, sáng tạo và để hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh của chính mình. Đồng thời, từ góc độ GV, đây là phương pháp đánh giá toàn diện hơn, cho phép quan sát và ghi nhận năng lực người học từ nhiều khía cạnh: nhận thức, kĩ năng chuyên môn, kĩ năng mềm và thái độ làm việc. Việc chuyển từ kiểm tra học thuật đơn thuần sang đánh giá thực hành theo mô hình khởi nghiệp giúp quá trình dạy - học trở nên sinh động, gắn với thực tế nghề nghiệp và phát triển tư duy khởi nghiệp. Đây là một tiếp cận sư phạm hiện đại, phù hợp với chủ trương giáo dục theo năng lực và hoàn toàn tương thích với định hướng đào tạo gắn với thực tiễn và thị trường lao động mà Trường Đại học LĐ-XH đã và đang kiên trì theo đuổi. Có thể khẳng định, tích hợp nội dung và hình thức đánh giá khởi nghiệp trong các học phần chuyên ngành không chỉ là đổi mới sư phạm mà còn là một giải pháp chiến lược nhằm hình thành và phát triển NLKN cho SV một cách tự nhiên, bền vững và hiệu quả.

Từ những kinh nghiệm nêu trên có thể thấy Trường Đại học LĐ-XH đang từng bước xây dựng nền tảng cho phát triển NLKN của SV nói chung, SV ngành QTKD nói riêng. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả bền vững nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp, đẩy mạnh CĐS trong hoạt động đào tạo và tăng cường đầu tư cho các hoạt động trải nghiệm thực tế mang tính khởi nghiệp cao.

3. Kết luận

Năng lực khởi nghiệp là một năng lực tổng hợp, kết tinh từ kiến thức, kĩ năng, thái độ và động lực cá nhân, đặc biệt cần thiết trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và CĐS. Việc hình thành và PTNL này ở SV không thể tách rời vai trò của chương trình đào tạo, môi trường học tập, sự ảnh hưởng từ gia đình - xã hội và đặc biệt là trải nghiệm thực tiễn. Trong đó, CĐS không chỉ là điều kiện công nghệ hỗ trợ mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy và tiếp cận khởi nghiệp sáng tạo. Thực trạng khảo sát tại Trường Đại học LĐ-XH cho thấy, SV ngành QTKD hiện còn gặp nhiều hạn chế về kiến thức nền tảng, khả năng ứng dụng công nghệ, kĩ năng mềm và cơ hội thực hành khởi nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp phù hợp

với đặc điểm nhà trường. Những kinh nghiệm triển khai như lồng ghép nội dung khởi nghiệp vào học phần, tổ chức các cuộc thi ý tưởng, kết nối doanh nghiệp và tích hợp đánh giá thực hành vào môn học đã bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, tạo môi trường học tập gắn với thực tiễn, kích thích tư duy đổi mới và tinh thần khởi nghiệp trong SV. Tuy nhiên, để phát triển NLKN một cách toàn diện, nhà trường cần tiếp tục mở rộng hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, đồng thời đào tạo đội ngũ GV chuyên sâu về đổi mới sáng tạo. Việc tích hợp các mô hình học tập hiện đại như học qua dự án, học qua mô phỏng và khai thác nền tảng số sẽ là hướng đi tất yếu. Trường Đại học LĐ-XH với thế mạnh trong đào tạo ứng dụng, gắn với thị trường lao động và các ngành nghề xã hội, có đầy đủ điều kiện để trở thành môi trường tiên phong trong phát triển NLKN cho SV trong thời đại số.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Thị Kim Pha (2016), *Những nhân tố ảnh hưởng* đến ý định *khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trà Vinh, số 23, tr. 1-9.

[2] Liñán,F, Chen, Y.W (2006), *Testing the entrepreneurial intention model on a two-country sample (Kiểm tra mô hình ý định khởi nghiệp trên mẫu hai quốc gia),* Working Paper Universitat Autònoma de Barcelona (Nghiên cứu của Trường Đại học công lập Barcelona), No 06/7, pp. 1-28, https://ddd.uab.cat/record/44583.

[3] Trần Lợi (2023), *Phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, Luận án Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Trà Vinh.

[4] Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Mai Võ Ngọc Thanh (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị Kinh doanh tại các trường đại học/cao đẳng ở thành phố Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Hiến, số 10 tháng 2, tr. 55-64.

[5] Trần Minh Thu, Dương Thị Hoài Nhung (2020), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương*, Tạp chí Quản lý và kinh tế quốc tế, số 130 tháng 8, tr. 1- 15.

[6] Ngô Thị Thu Dung (2021), *Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hòa Bình, số 01 tháng 9, tr. 58-65.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO...

Tiếp theo trang 142

3. Kết luận

Ứng dụng AI trong giáo dục đại học mang đến nhiều tiềm năng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cần được giải quyết. Một trong những thách thức lớn nhất là nhu cầu về kỹ năng mới. Việc sử dụng AI đòi hỏi GV và SV cần có kỹ năng sử dụng và khai thác tối đa công nghệ này. Việc triển khai AI cũng cần nguồn vốn đầu tư lớn, đặc biệt cho các trường đại học ở các nước đang phát triển. Ngoài ra, sử dụng AI trong giáo dục cũng đặt ra nhiều vấn đề đạo đức như thiên vị thuật toán, gian lận học tập và bảo mật dữ liệu. Bài viết đã phân tích những cơ hội và thách thức khi áp dụng AI trong giảng dạy đại học, đồng thời khảo sát các quy định pháp lý của một số quốc gia về vấn đề này. Từ đó, nghiên cứu sẽ đưa ra những giải pháp chọn lọc để nâng cao hiệu quả sử dụng AI trong giảng dạy đại học, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu. Việc ứng dụng AI trong giáo dục đại học tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và mang lại nhiều lợi ích cho cả GV và SV. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao trong việc áp dụng AI, Việt Nam cần giải quyết các thách thức liên quan đến cơ sở hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính và đào tạo nhân lực. Các cơ sở giáo dục cần được hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp công nghệ để xây dựng một hệ sinh thái giáo dục thông minh, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tài liệu tham khảo

[1] John McCarthy J. (2007), *What is artificial intelligence (Trí tuệ nhân tạo là gì).* Available from: https://www-formal.stanford.edu/jmc/whatisai.pdf, truy cập ngày 28/3/2024.

[2] M. Ziyad Saleh (2019), *Artificial Intelligence Definition, Ethics and Standards* (Định nghĩa, đạo đức và tiêu chuẩn của trí tuệ nhân tạo) BUE, April 2019, pp. 10.

[3] Nguồn: https://www.chalkbeat.org/newyork/2023/1/3/23537987/nyc-schools-ban-chatgpt-writing-artificial-intelligence/ truy cập ngày 29/3/2024.

[4] Nguồn: https://www.plgiarism.admin.cam.ac.uk/what-academic-misconduct/artificial-intelligence.

[5] Patrick Henry Winston (1992), *Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo),* Addison-Wesley Publishing Company (Công ty xuất bản Addison-Wesley).